

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƠN THÀNH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-01- 2018  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ung Thị Ngọc Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Xuân Đỉnh

2. Ông Nguyễn Việt Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Thanh H, sinh năm 1987 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị Thu D, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn anh Hoàng Thanh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Thanh H và chị Trần Thị Thu D chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào năm 2010 theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2013 trở đi vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị D hay bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống anh H nhiều lần thuyết phục chị D về đoàn tụ chung sống lại nhưng chị D không đồng ý, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh H xác định không còn tình cảm

với chị D nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh H yêu cầu được ly hôn chị D.

Về nuôi con chung: Anh H và chị D có 02 con chung tên Hoàng Gia B, sinh ngày 23/4/2013 và Hoàng Ngọc Uyển N sinh ngày 08/9/2011, hiện các con đang sống cùng anh H. Nay ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu tòa giải quyết

*Trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị D đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị D vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng, yêu cầu của chị D.*

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn: Anh H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Chị D vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2018 nhưng chị D vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến..

+ Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 BLTTDS

+ Quan điểm về giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy anh Hoàng Thanh H và chị Trần Thị Thu D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước vào năm 2010. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hôn nhân giữa anh H, chị D không hòa hợp, tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị D

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, lời khai bị đơn đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho anh Hoàng Thanh H được ly hôn với chị Trần Thị Thu D

Về con chung: Vợ chồng anh H, chị D có 02 con chung tên Hoàng Gia B, sinh ngày 23/4/2013 và Hoàng Ngọc Uyển N sinh ngày 08/9/2011. Theo chứng cứ xác định hiện nay anh H là lao động có thu nhập đảm bảo nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H về nuôi con chung là giao cháu B, cháu N cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đề cập

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn anh Hoàng Thanh H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn chị Trần Thị Thu D có nơi cư trú tại tổ 11, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Thu D nhưng do chị D đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng chị D vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy:***

Anh Hoàng Thanh H và chị Trần Thị Thu D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H cho rằng quá trình chung sống thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2013 trở đi vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, bất đồng quan điểm, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị D hay bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống anh H nhiều lần thuyết phục chị D về đoàn tụ chung sống lại nhưng chị D không đồng ý, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Lời trình bày của anh H cũng phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa anh H và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh H, cho anh H được ly hôn với chị D.

Về nuôi con chung: Hội đồng xét thấy anh H và chị D có 02 chung tên Hoàng Gia B, sinh ngày 23/4/2013 và Hoàng Ngọc Uyên N sinh ngày 08/9/2011. Tuy nhiên, việc xem xét giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thu nhập thực tế của người nuôi dưỡng. Xét về điều kiện và khả năng nuôi con thì anh H cho rằng hiện nay anh có thu nhập mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, lời trình bày của anh H cũng phù hợp với chứng cứ là biên bản xác minh ngày 13/11/2017 xác định được hiện nay anh H có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng thu nhập 6.000.000 đồng nên anh H có đủ điều kiện để nuôi con. Đồng thời, từ khi anh H, chị D ly thân cho đến nay thì các con vẫn sống cùng anh H, anh H vẫn đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chưa thành niên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của anh H, giao con chung là Hoàng Gia Bo, sinh ngày 23/4/2013 và Hoàng Ngọc Uyên N sinh ngày 08/9/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu tòa

án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Hoàng Thanh H phải chịu là 300.000đồng.

*Vì các lẽ nêu trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- *Về hôn nhân:* Cho anh Hoàng Thanh H được ly hôn với chị Trần Thị Thu D

- *Về nuôi con chung:* Giao con chung tên Hoàng Gia B, sinh ngày 23/4/2013 và Hoàng Ngọc Uyển N sinh ngày 08/9/2011 cho anh Hoàng Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Anh Hoàng Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008967 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

